

Số: **11801**/TB-CHQ

Hà Nội, ngày **30** tháng **6** năm 2025

THÔNG BÁO

HỎA TỐC

Về thông tin tài khoản thu NSNN

Căn cứ Quyết định số 382/QĐ-BTC ngày 26/02/2025, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 2019/QĐ-BTC ngày 11/6/2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan, các Chi cục Hải quan khu vực.

Cục Hải quan thông báo thông tin mã cơ quan hải quan, tài khoản chuyên thu, tài khoản tạm thu, tài khoản tạm giữ, Kho bạc Nhà nước nơi cơ quan hải quan mở tài khoản của các đơn vị Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu thuộc Chi cục Hải quan khu vực.

(Phụ lục kèm theo)

Cục Hải quan thông báo để các đơn vị được biết./

Nơi nhận:

- PCT Lưu Mạnh Tường (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Cục Hải quan (để t/h);
- Ban CNTT & TKHQ (để t/h);
- Ban Nghiệp vụ thuế HQ (để t/h);
- Kho bạc Nhà nước (để p/hợp);
- Các Ngân hàng phối hợp thu (để p/hợp);
- Công TTĐT Hải quan;
- Lưu: VT, NVTHQ - Hưng (3b).

**TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG BAN NGHIỆP VỤ THUẾ HQ
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Mai Thị Văn Anh

Phụ lục

BẢNG DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ HẢI QUAN VÀ MÃ KBNN

(Ban hành kèm theo Thông báo số 11801/TB-CHQ ngày 30/6/2025 của Cục Hải quan)

Đơn vị Hải quan	Khu vực	TT	Cơ quan hải quan	Cơ quan hải quan (viết tắt)	Mã đơn vị hải quan	Ký hiệu tài khoản	Tên tài khoản KB đang sử dụng	Mã cơ quan thu	THÔNG TIN KBNN 15/3/2025		THÔNG TIN KBNN 01/7/2025			Ghi chú
									Mã KBNN	Tên KBNN	Mã KBNN	Mã NH	Tên KBNN	
Chi cục Hải quan khu vực I														
I	1		Hải quan Bắc Hà Nội	Hải quan Bắc Hà Nội	01E1	7111	TK Thu nộp NSNN	2995093	0022	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	0022	01701024	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	KBNN Thanh Xuân
						3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan							
						3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác							
						3942	TK tạm giữ chờ xử lý							
						3512	TK thu thuế tạm nhập - tái xuất							
						8951	TK Hoàn trả các khoản thu NSNN							
I	2		Hải quan Khu công nghiệp Bắc Thăng Long	Hải quan KCN Bắc Thăng Long	01NV	7111	TK Thu nộp NSNN	2995094	0022	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	0022	01701024	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	KBNN Thanh Xuân
						3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan							
						3512	Các khoản thuế hàng tạm nhập, tái xuất phải trả về thu NS							
						3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác							
						3942	Phải trả về tiền, tài sản tạm giữ chờ xử lý của cơ quan hải quan							
I	3		Hải quan Chuyển phát nhanh	Hải quan Chuyển phát nhanh	01DD	7111	TK Thu nộp NSNN	2995193	0022	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	0022	01701024	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	KBNN Thanh Xuân
						3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan							
						3512	Các khoản thuế hàng tạm nhập, tái xuất phải trả về thu NS							
						3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác							
						3942	Phải trả về tiền, tài sản tạm giữ chờ xử lý của cơ quan hải quan							

1	4	Hải quan ga đường sắt quốc tế Yên Viên	Hải quan ga đường sắt quốc tế Yên Viên	01SI	7111	TK Thu nộp NSNN	2995097	0017	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	0017	01701028	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	KBNN Nam Từ Liêm
					3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan							
					3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác							
					8951	Chi NS theo quyết định của cấp có thẩm quyền							
1	5	Hải quan Gia Thụy	Hải quan Gia Thụy	01IK	7111	TK Thu nộp NSNN	2995096	0017	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	0017	01701028	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	KBNN Nam Từ Liêm
					3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan							
					3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác							
					8951	Chi NS theo quyết định của cấp có thẩm quyền							
1	6	Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài	Hải quan CK sân bay quốc tế Nội Bài	01AB	7111	TK Thu nộp NSNN	2995092	0020	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	0020	01701021	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	KBNN Đồng Anh
					3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan							
					3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác							
					8951	Chi NS theo quyết định của cấp có thẩm quyền							
1	7	Hải quan Hòa Lạc	Hải quan Hòa Lạc	01M1	7111	TK Thu nộp NSNN	2995238	0022	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	0022	01701024	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	KBNN Thanh Xuân
					3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan							
					3592	Phải thu khác							
					3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác							
					3512	Các khoản thuế hàng tạm nhập, tái xuất phải trả về thu NS							
		Hải quan Hòa Lạc	Hải quan Hòa Lạc (Đội đầu tư)	01PL	7111	TK Thu nộp NSNN	2995192	0017	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	0017	01701028	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực I	KBNN Nam Từ Liêm
					3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan							
					3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác							
					8951	Chi NS theo quyết định của cấp có thẩm quyền							
1	8	Hải quan Vĩnh Phúc	Hải quan Vĩnh Phúc	01PR	7111	TK Thu nộp NSNN	2995236	1219	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực VIII	1276	25701016	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực VIII	KBNN Phúc Yên
					3511	TK Thu phí và lệ phí hải quan							
					3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác							

II	I	Hải quan Khu công nghệ cao	Hải quan Khu công nghệ cao	02F3	7111 Thu nộp NSNN 3511 Tiền gửi lệ phí hải quan 3512 Tiền gửi thuế tạm thu 3591 Tiền gửi nộp khoản đảm bảo 3712 Tiền gửi thu phi	2995248	0136 Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	0136	79701026	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Thủ Đức
		Hải quan Khu công nghệ cao (Đội Đầu tư)	Hải quan Khu công nghệ cao (Đội Đầu tư)	02PG	7111 Thu nộp NSNN 3511 Tiền gửi lệ phí hải quan 3512 Tiền gửi thuế tạm thu 3591 Tiền gửi nộp khoản đảm bảo 3942 Tiền gửi tạm giữ chờ xử lý	2995224	0111 Kho bạc Nhà nước khu vực II	0111	79701001	Kho bạc Nhà nước khu vực II	Quận 4

II	2	Hải quan Khu chế xuất Linh Trung	Hải quan KCX Linh Trung	02F1, 02F2	7111	Thu nộp NSNN	2995083	0136	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	0136	79701026	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Thủ Đức
					3511	Tiền gửi lệ phí hải quan							
					3512	Tiền gửi thuế tạm thu							
					3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo							
					3942	Tiền gửi phạt VPHC							
II	3	Hải quan Khu chế xuất Tân Thuận	Hải quan KCX Tân Thuận	02XE	7111	Thu nộp NSNN	2995082	0130	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	0130	79701007	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Quận 7
					3511	Tiền gửi lệ phí hải quan							
					3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo							
		Hải quan Khu chế xuất Tân Thuận (Đội gia công)	Hải quan Khu chế xuất Tân Thuận (Đội gia công)	02PJ	7111	Thu nộp NSNN	2995181	0111	Kho bạc Nhà nước khu vực II	0111	79701001	Kho bạc Nhà nước khu vực II	Quận 4
					3511	Tiền gửi lệ phí hải quan							
					3512	Tiền gửi thuế tạm thu							
					3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo							
					3942	Tiền gửi phạt VPHC							
	4	Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn khu vực 1	Hải quan CK cảng Sài Gòn khu vực 1	02CI, C02I, 02CX, E02E	7111	Thu nộp NSNN	2995342	0136	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	0136	79701026	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Thủ Đức
					3511	Tiền gửi lệ phí hải quan							
					3512	Tiền gửi thuế tạm thu							
					3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo							
II	5	Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn khu vực 2	Hải quan CK cảng Sài Gòn khu vực 2	02CV	7111	Thu nộp NSNN	2995255	0130	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	0130	79701007	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Quận 7
					3511	Tiền gửi lệ phí hải quan							
					3512	Tiền gửi thuế tạm thu							
					3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo							
					3942	Tiền gửi phạt VPHC							

II	6	Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn khu vực 3	Hải quan CK cảng Sài Gòn khu vực 3	02H1.	7111	Thu nộp NSNN	2995079	0111	Kho bạc Nhà nước khu vực II	0111	79701001	Kho bạc Nhà nước khu vực II	Quận 4
				02H2.	3511	Tiền gửi lệ phí hải quan							
				02H3.	3512	Tiền gửi thuế tạm thu							
					3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo							
					3942	Tiền gửi phạt VPHC							
II	7	Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn khu vực 4	Hải quan CK cảng Sài Gòn khu vực 4	02IK.	7111	Thu nộp NSNN	2995080	0136	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	0136	79701026	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Thủ Đức
				102K01	3511	Tiền gửi lệ phí hải quan							
				102K02	3512	Tiền gửi thuế tạm thu							
				102K03	3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo							
				102K04	3942	Tiền gửi phạt VPHC							
II	8	Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất	Hải quan CK sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất	02B1	7111	Thu nộp NSNN	2995081	0120	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	0120	79701013	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Bình Thạnh
					3511	Tiền gửi lệ phí hải quan							
					3512	Tiền gửi thuế tạm thu							
					3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo							
					3942	Tiền gửi phạt VPHC							
II	9	Hải quan Chuyển phát nhanh	Hải quan Chuyển phát nhanh	02DS	7111	Thu nộp NSNN	2995431	0122	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	0122	79701024	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Tân Bình
					3511	Tiền gửi lệ phí hải quan							
					3512	Tiền gửi thuế tạm thu							
					3591	Tiền gửi nộp khoản đảm bảo							
					3942	Tiền gửi phạt VPHC							
II	10	Hải quan cửa khẩu cảng Vũng Tàu	Hải quan CK cảng Vũng Tàu	51CB	7111	TK thu nộp NSNN	2995105	1711	Kho bạc Nhà nước khu vực XV	0138	79701032	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu
					3511	TK tạm gửi							
					3512	TK thuế tạm thu							

	11	Hải quan cửa khẩu cảng Cát Lở	Hải quan CK cảng Cát Lở	51BE	7111	TK thu nộp NSNN	2995106	1719	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	0141	79701034	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Vũng Tàu					
					3511	TK thu phí hải quan												
					3512	TK tiền gửi các khoản thuế hàng tạm nhập, tái xuất												
					3942	TK tạm giữ, chờ xử lý												
II	12	Hải quan cửa khẩu cảng Phú Mỹ	Hải quan CK cảng Phú Mỹ	51C1	7111	TK thu nộp NSNN	2995108	1711	Kho bạc Nhà nước khu vực XV	0138	79701032	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu					
					3511	TK thu phí Hải quan												
					3512	TK tạm thu												
					3712	TK thu phí Hải quan												
					3942	TK tạm giữ												
		Đội nghiệp vụ hải quan cảng SP-PSA - Hải quan cửa khẩu cảng Phú Mỹ	Đội nghiệp vụ HQ cảng SP-PSA - Hải quan CK cảng Phú Mỹ	51C2	7111	TK thu nộp NSNN	2995232											
					3511	TK thu phí Hải quan												
					3512	TK tạm thu												
					3942	TK tạm giữ												
II	13	Hải quan cửa khẩu cảng Cái Mép	Hải quan CK cảng Cái Mép	51CI	7111	TK thu nộp NSNN	2995231	1711	Kho bạc Nhà nước khu vực XV	0138	79701032	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu					
					3511	TK thu phí, lệ phí chờ nộp ngân sách												
					3512	TK thuế tạm thu												
					3712	TK thu phí Hải quan - (Chuyển về Cục HQ tỉnh)												
					3942	TK tạm thu, tạm giữ chờ xử lý												
II	14	Hải quan Côn Đảo	Hải quan Côn Đảo	51CH	7111	TK thu nộp NSNN	2995076	1719	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	0141	79701034	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Vũng Tàu					
					3512	TK thu thuế tạm thu												
					3942	TK tạm giữ, chờ xử lý												
II	15	Hải quan cửa khẩu cảng tổng hợp Bình Dương	Hải quan CK cảng tổng hợp Bình Dương	43CN	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995490	1811	Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0143	79701028	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Bình Dương					
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ												
					3591	TK thuế tạm thu SXXK												
					3512	TK thuế tạm thu TNTX												

II	16	Hải quan Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	Hải quan KCN Việt Nam - Singapore	43NF	7111	TK Thu nộp NSNN	2995147	1815	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0144	79701031	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Dĩ An
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3512	TK thuế tạm thu TNTX							
					3591	TK thuế tạm thu SXXX							
					8951	TK tạm giữ							
II	17	Hải quan Khu công nghiệp Mỹ Phước	Hải quan KCN Mỹ Phước	43K1	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995149	1820	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0145	79701029	Phòng Giao dịch số 19 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Bàu Bàng
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
				43K4	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước							
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
II	18	Hải quan Khu công nghiệp Sóng Thần	Hải quan KCN Sóng Thần	43ND	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995145	1815	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0144	79701031	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Dĩ An
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK thuế tạm thu SXXX							
					3512	TK thuế tạm thu TNTX							
II	19	Hải quan Sóng Thần	Hải quan Sóng Thần	43IH	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995144	1815	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0144	79701031	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Dĩ An
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK thuế tạm thu SXXX							
					3512	TK thuế tạm thu TNTX							
II	20	Hải quan Thủ Dầu Một	Hải quan Thủ Dầu Một	43PC	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995478	1811	Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0143	79701028	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Bình Dương
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK thuế tạm thu SXXX							
					4912	TK tạm giữ							
II	21	Hải quan Khu công nghiệp Việt Hương	Hải quan KCN Việt Hương	43NG	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995148	1815	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0144	79701031	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Dĩ An
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
				43PB	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước							
					3512	TK thuế tạm thu TNTX							

II	22	Đội phúc tập và Kiểm tra sau thông quan - Hải quan KV II	Đội phúc tập và KTSTQ	Q02Q	7111 Thu nộp NSNN	2995182	0122	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	0122	79701024	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực II	KBNN Tân Bình
					8951 Tài khoản hoàn thuế							
					3511 Tiền gửi lệ phí hải quan							
					3512 Tiền gửi thuế tạm thu							
					3591 Tiền gửi nộp khoản đảm bảo							
					3942 Tiền gửi phạt VPHC							
II	23	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Q02M	3942 Tiền gửi phạt VPHC	1058536	0111	Kho bạc Nhà nước khu vực II	0111	79701001	Kho bạc Nhà nước khu vực II	Quận 4
					3942 Tiền gửi phạt VPHC							
					3942 Tiền gửi phạt VPHC							
					7111 Thu nộp NSNN							

Chi cục Hải quan khu vực III

III	1	Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 1	Hải quan CK cảng Hải Phòng khu vực 1	03CC	7111	TK Thu nộp NSNN	2995022	0061	Kho bạc Nhà nước khu vực III	0061	31701001	Kho bạc Nhà nước khu vực III Phòng Kế toán Nhà nước	Hải An
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK tạm thu							
					3712	TK thu phí, lệ phí HQ							
III	2	Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 2	Hải quan CK cảng Hải Phòng khu vực 2	03CE	7111	TK Thu nộp NSNN	2995023	0064	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	0064	31701013	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Lê Chân
					8951	TK hoàn trả các khoản thu năm trước							
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK tạm thu							
III	3	Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 3	Hải quan CK cảng Hải Phòng khu vực 3	03TG	3511	TK thu phí, lệ phí HQ	2995024	0061	Kho bạc Nhà nước khu vực III	0061	31701001	Kho bạc Nhà nước khu vực III Phòng Kế toán Nhà nước	Hải An
					3591	TK tạm thu							
					7111	TK Thu nộp NSNN							
III	4	Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ	Hải quan CK cảng Đình Vũ	03EE	7111	TK Thu nộp NSNN	2995119	0061	Kho bạc Nhà nước khu vực III	0061	31701001	Kho bạc Nhà nước khu vực III Phòng Kế toán Nhà nước	Hải An
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK tạm thu							
					3712	TK thu phí, lệ phí HQ							

III	5	Hải quan Khu chế xuất và Khu công nghiệp Hải Phòng	Hải quan KCX và KCN Hải Phòng	03NK	7111	TK Thu nộp NSNN	2995118	0061	Kho bạc Nhà nước khu vực III	0061	31701001	Kho bạc Nhà nước khu vực III - Hải An Phòng Kế toán Nhà nước	Hải An
					3591	TK tạm thu							
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
		Hải quan Khu chế xuất và Khu công nghiệp Hải Phòng (Đội đầu tư, gia công)	Hải quan KCX và KCN Hải Phòng (Đội ĐT, GC)	03PA	7111	TK Thu nộp NSNN	2995117	0061	Kho bạc Nhà nước khu vực III	0061	31701001	Kho bạc Nhà nước khu vực III - Hải An Phòng Kế toán Nhà nước	Hải An
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK tạm thu							
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK tạm thu							
III	6	Hải quan Hải Dương	Hải quan Hải Dương	03PJ	7111	TK Thu nộp NSNN	2995027	0361	Kho bạc Nhà nước khu vực V	0077	31701020	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Hải Dương
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
III	7	Chi cục Hải quan khu vực III	Chi cục Hải quan khu vực III	03	7111	TK Thu nộp NSNN	1056988	0061	Kho bạc Nhà nước khu vực III	0061	31701001	Kho bạc Nhà nước khu vực III - Hải Phòng Phòng Kế toán Nhà nước	Hải Phòng
	8	Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phúc tập và KTSTQ	Q03M	7111	TK Thu nộp NSNN	2995121	0061	Kho bạc Nhà nước khu vực III	0061	31701001	Kho bạc Nhà nước khu vực III - Hải Phòng Phòng Kế toán Nhà nước	
	9	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	K03K	7111	TK Thu nộp NSNN	2995120	0061	Kho bạc Nhà nước khu vực III	0061	31701001	Kho bạc Nhà nước khu vực III - Hải Phòng Phòng Kế toán Nhà nước	

Chi cục Hải quan khu vực IV

IV	1	Hải quan Hưng Yên	Hải quan Hưng Yên	03PL	7111	TK Thu nộp NSNN	2995123	0412	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực IV	0412	33701003	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực IV	KBNN Mỹ Hào
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
IV	2	Hải quan Thái Bình	Hải quan Thái Bình	03CD	7111	TK Thu nộp NSNN	2995122	0470	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực V	0422	33701012	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực IV	KBNN Thái Bình
					3511	TK Phí, lệ phí chờ nộp ngân sách							
IV	3	Hải quan Hà Nam	Hải quan Hà Nam	28NJ	3511	TK Phí, lệ phí chờ nộp ngân sách	2995125	0318	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực IV	1325	37701013	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực V	KBNN Hà Nam
					3512	TK Các khoản thuế hàng tạm nhập tái xuất							
					3582	TK Chờ xử lý các khoản thu của cơ quan Hải quan							
					3591	TK Các khoản tạm thu khác							
					7111	TK Thu ngân sách nhà nước							
					3711	TK tiền gửi tại KBNN							

IV	4	Hải quan Nam Định	Hải quan Nam Định	28PE	7111	TK Thu ngân sách nhà nước	2995031	0272	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực IV	1321	37701018	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực V	KBNN Nam Định
					3511	TK Phí, lệ phí chờ nộp ngân sách							
					3512	TK Các khoản thuế hàng tạm nhập tái xuất							
					3582	TK Chờ xử lý các khoản thu của cơ quan Hải quan							
IV	5	Hải quan Ninh Bình	Hải quan Ninh Bình	28PC	7111	TK Thu ngân sách nhà nước	2995033	1320	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực IV	1311	37701001	Kho bạc Nhà nước khu vực V	KBNN Ninh Bình
					3511	TK thu phí, lệ phí hải quan							
IV	6	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	K28K	7111	TK Thu ngân sách nhà nước	1124095	1320	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực IV	0411	33701001	Kho bạc Nhà nước khu vực IV	KBNN Hưng Yên
IV	7	Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phúc tập và KTSTQ	28QH	7111	TK Thu ngân sách nhà nước	2995529	1320	Phòng Giao dịch số 11- Kho bạc Nhà nước khu vực IV	0411	33701001	Kho bạc Nhà nước khu vực IV	KBNN Hưng Yên
					3942	Tạm giữ chờ xử lý							
		Chi cục Hải quan khu vực IV	Chi cục Hải quan khu vực IV	89	7111					0411	33701001	Kho bạc Nhà nước khu vực IV	KBNN Hưng Yên

Chi cục Hải quan khu vực V

V	1	Hải quan Bắc Ninh	Hải quan Bắc Ninh	18A3	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995100	1120	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực V	1172	24701014	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	KBNN Bắc Ninh
					3511	TK tạm thu lệ phí							
					3582	TK Chờ xử lý các khoản thu của cơ quan Hải quan							
V	2	Hải quan cảng nội địa Tiên Sơn	Hải quan cảng nội địa Tiên Sơn	18ID	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995339	1118	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực V	1174	24701015	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	KBNN Từ Sơn
					3942	TK thu nộp thuế tạm thu và các khoản tạm giữ chờ xử lý							
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
V	3	Hải quan Khu công nghiệp Yên Phong	Hải quan KCN Yên Phong	18BE	7111	TK Thu nộp NSNN	2995523	1118	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực V	1174	24701015	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	KBNN Từ Sơn
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
V	4	Hải quan Bắc Giang	Hải quan Bắc Giang	18BC	7111	TK Thu nộp NSNN	2995127	1161	Kho bạc Nhà nước khu vực VI	1161	24701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Bắc Giang
					3942	TK tạm giữ cơ quan Hải quan							
					3591	TK thu phí, lệ phí HQ							
V	5	Hải quan Thái Nguyên	Hải quan Thái Nguyên	18B1	7111	TK Thu nộp NSNN	2995004	2261	Kho bạc Nhà nước khu vực VII	2261	19701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VII - Phòng Kế toán Nhà nước	Thái Nguyên
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3512	TK tiền gửi							
V	6	Hải quan Bắc Kạn	Hải quan Bắc Kạn	11PK	7111	TK Thu nộp NSNN	2995206	2320	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2271	19701013	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực VII	KBNN Bắc Kạn
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ	2995206						

V	7	Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phục tập và KTSTQ	Q18E	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995440	1120	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực V	1172	24701014	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	KBNN Bắc Ninh
V	8	Chi cục Hải quan khu vực V	Chi cục Hải quan khu vực V										

Chi cục Hải quan khu vực VI

VI	1	Hải quan cửa khẩu ga đường sắt quốc tế Đồng Đăng	Hải quan CK ga đường sắt QT Đồng Đăng	15SI	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995015	2423	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2411	20701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Lạng Sơn
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý							
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
VI	2	Hải quan cửa khẩu Cốc Nam	Hải quan CK Cốc Nam	15BD	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995189	2423	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2411	20701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Lạng Sơn
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý							
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
VI	3	Hải quan cửa khẩu Chi Ma	Hải quan CK Chi Ma	15BC	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995190	2423	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2411	20701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Lạng Sơn
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý	9049139						
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ	9049139						
VI	4	Hải quan cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị	Hải quan CK quốc tế Hữu Nghị	15BB	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995013	2423	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2411	20701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Lạng Sơn
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý	9049137						
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ	9049137						
VI	5	Hải quan cửa khẩu Tân Thanh	Hải quan CK Tân Thanh	15BE	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995014	2423	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2411	20701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Lạng Sơn
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý	9048882						
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ	9048882						
VI	6	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	P15A	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	1058538	2423	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2411	20701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Lạng Sơn
VI	7	Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phục tập và KTSTQ	Q15L	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995335	2423	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2411	20701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Lạng Sơn
VI	8	Chi cục Hải quan khu vực VI	Chi cục Hải quan khu vực VI	15ZZ	3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác	2995335	2423	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2411	20701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Lạng Sơn
					3712	TK kết chuyển thu phí, lệ phí HQ							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý							

					3511	TK tiền gửi (phí Hải quan)							
VII	7	Hải quan cửa khẩu cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng	Hải quan CK CK quốc tế Ma Lù Thàng	12H1	7111	Thu ngân sách nhà nước	2995265	3163	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực IX	3163	12701004	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực IX	KBNN Phong Thổ
					3511	TK tiền gửi (phí Hải quan)							
VII	8	Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phục tập và KTSTQ	Q13H	7111	TK thu NSNN	2995270	2621	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VIII	2572	15701013	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực IX	
					3591	TK tiền gửi (phí Hải quan)							
VII	9	Chi cục Hải quan khu vực VII	Chi cục Hải quan khu vực VII		7111	TK thu NSNN	1058537	2621	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực VIII	2572	15701013	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực IX	KBNN Lào Cai

Chi cục Hải quan khu vực VIII

VIII	1	Hải quan cửa khẩu quốc tế Móng Cái	Hải quan CK quốc tế Móng Cái	20BB	7111	TK thu NSNN	2995017	2818	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	2818	22701006	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Móng Cái
					3511	TK tiền gửi thu phí hải quan							
					3591	TK tạm thu phí							
					3942	TK tạm giữ tiền phạt VPHC							
VIII	2	Hải quan cửa khẩu Hoàng Mô	Hải quan cửa khẩu Hoàng Mô	20BC	7111	Thu NSNN	2995020	2814	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	2814	22701002	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Tiên Yên
					3511	TK tiền gửi phí, lệ phí chờ nộp NS							
					3512	TK tạm thu thuế TNTX, SXXX							
					3712	TK tiền gửi thu phí							
					3713	TK tiền gửi khác							
					3942	TK tài sản tạm giữ chờ xử lý							
VIII	3	Hải quan cửa khẩu Bắc Phong Sinh	Hải quan cửa khẩu Bắc Phong Sinh	20BD	7111	Tài khoản thu NSNN	2995060	2818	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	2818	22701006	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Móng Cái
					3511	Thu phí, lệ phí							
VIII	4	Hải quan cửa khẩu cảng Hòn Gai	Hải quan CK cảng Hòn Gai	20CF	7111	Thu NSNN	2995019	2827	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	2827	22701019	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Quảng Ninh
					3511	Tài khoản thu phí, lệ phí							
					3512	Tài khoản tạm thu thuế hàng TNTX, SXXX							
					3712	Tài khoản tiền gửi thu phí							
					3713	Tài khoản tiền gửi khác							
					3942	Tài khoản tạm giữ, chờ xử lý							

VIII	5	Hải quan cửa khẩu cảng Cẩm Phả	Hải quan CK cảng Cẩm Phả	20CG	7111	Thu NSNN	2995021	2813	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	2813	22701015	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Cẩm Phả
					3511	Thu phí, lệ phí							
					3713	Tiền gửi							
					8951	Hoàn thuế							
					3711	Tiền gửi							
VIII	6	Hải quan cửa khẩu cảng Vạn Gia	Hải quan CK cảng Vạn Gia	20CE	7111	TK thu NSNN	2995061	2818	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	2818	22701006	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Móng Cái
					3511	Thu phí, lệ phí							
					3512	Tạm thu thuế hàng TNTX, SXXX							
					3713	Nhận và thanh toán các khoản khác							
					3942	Thu các khoản tạm thu khác							
VIII	7	Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phục tập và KTSTQ	20QK	7111	Tài khoản thu NSNN	2995187	2827	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	2827	22701019	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Quảng Ninh
					3511	TK tiền gửi phí, lệ phí chờ nộp NS	2995061						
					3512	TK tạm thu thuế TNTX, SXXX	2995061						
					3713	TK tiền gửi khác	2995061						
VIII	8	Đội Kiểm soát Hải quan	Đội Kiểm soát Hải quan	D20E	7111	Tài khoản thu NSNN	2995276	2818	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	2818	22701006	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực III	KBNN Móng Cái
					3942	Cơ quan Hải quan							
					3713	Tiền gửi khác							
		Chi cục Hải quan khu vực VIII	Chi cục Hải quan khu vực VIII										

Chi cục Hải quan khu vực IX

IX	1	Hải quan cửa khẩu quốc tế Cha Lo	Hải quan CK quốc tế Cha Lo	31BB	7111	TK Thu nộp NSNN	2995288	1513	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1513	44701004	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	
					3712	Tài khoản tiền gửi phí HQ							
					3713	Tài khoản tiền gửi khác							
IX	2	Hải quan cửa khẩu cảng Hòn La	Hải quan CK cảng Hòn La	31CD	7111	TK Thu nộp NSNN	2995286	1520	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1511	44701001	Phòng Nghiệp vụ 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	KBNN Quảng Bình
					3512	Tiền gửi thuế tạm thu							
IX	3	Hải quan cửa khẩu Cà Roòng	Hải quan cửa khẩu Cà Roòng	31BF	7111	TK Thu nộp NSNN	2995287	1520	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1511	44701001	Phòng Nghiệp vụ 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	KBNN Quảng Bình

IX	4	Hải quan cửa khẩu quốc tế Lao Bảo	Hải quan CK quốc tế Lao Bảo	32BB	7111	TK Thu nộp NSNN	2995044	1562	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1524	44701016	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	KBNN Hướng Hoá
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK tạm thu thuế, tạm thu TNTX							
IX	5	Hải quan cửa khẩu quốc tế La Lay	Hải quan CK quốc tế La Lay	32BC	7111	TK Thu nộp NSNN	2995290	1571	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1521	44701012	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	KBNN Quảng Trị
					3511	TK tạm thu phí, lệ phí HQ							
					3942	TK tạm giữ (Tiền bán hàng tịch thu)							
					3941	TK tiền gửi (bán hàng tịch thu) của Sở TC							
IX	6	Hải quan cửa khẩu cảng Cửa Việt	Hải quan CK cảng Cửa Việt	32CD	7111	TK Thu nộp NSNN	2995046	1571	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1521	44701012	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	KBNN Quảng Trị
					3591	TK tạm thu thuế, tạm thu TNTX							
					3511	TK tạm thu phí, lệ phí HQ							
					3712	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3942	TK tạm giữ (Tiền bán hàng tịch thu)							
					3941	TK tiền gửi (bán hàng tịch thu) của Sở TC							
IX	7	Hải quan Thủy An	Hải quan Thủy An	33PD	7111	TK thu nộp NSNN	2995048	1619	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	1619	46701010	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	KBNN Hương Thủy
					3511	TK tạm thu phí, lệ phí HQ							
IX	8	Hải quan cửa khẩu cảng Chân Mây	Hải quan CK cảng Chân Mây	33CF	7111	TK thu nộp NSNN	2995136	1615	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	1615	46701007	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	KBNN Phú Lộc
					3511	TK thu phí, lệ phí hải quan							
IX	9	Hải quan cửa khẩu A Đốt	Hải quan cửa khẩu A Đốt	33BA	7111	TK thu nộp NSNN	2995369	1617	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	1617	46701003	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	KBNN A Lưới
					3511	TK thu phí, lệ phí hải quan							
IX	10	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	31PA	7111	TK Thu nộp NSNN	2995351	1520	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1511	44701001	Phòng Nghiệp vụ 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	KBNN Quảng Bình
					3713	TK thu phí, lệ phí Hải quan							
					3949	Tải khoản tạm giữ							
IX		Đội Phục tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phục tập và KTSTQ										
IX	11	Chi cục Hải quan khu vực IX	Chi cục Hải quan khu vực IX	31	7111	TK Thu nộp NSNN							

Chi cục Hải quan khu vực X

X	1	Hải quan cửa khẩu cảng Thanh Hóa	Hải quan CK cảng Thanh Hóa	27F1	7111	TK thu nộp NSNN	2995034	1361	Kho bạc Nhà nước khu vực X	1361	38701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XI - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Thanh Hóa
					3511	TK Phí, lệ phí chờ nộp ngân sách							
					3512	TK Các khoản thuế hàng tạm nhập tái xuất							
					3582	TK Chờ xử lý các khoản thu của cơ quan Hải quan							
X	2	Hải quan cửa khẩu cảng Nghi Sơn	Hải quan CK cảng Nghi Sơn	27F2	7111	TK thu nộp NSNN	2995128	1361	Kho bạc Nhà nước khu vực X	1361	38701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XI - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Thanh Hóa
					3511	TK tiền gửi thu lệ phí HQ							
					3512	TK tiền gửi thuế tạm thu							
X	3	Hải quan cửa khẩu quốc tế Na Mèo	Hải quan CK quốc tế Na Mèo	27B1	7111	TK thu nộp NSNN	2995035	1361	Kho bạc Nhà nước khu vực X	1361	38701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XI - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Thanh Hóa
					3511	TK tiền gửi thu lệ phí HQ							
					3512	TK tiền gửi thuế tạm thu							
					3582	TK chờ xử lý các khoản thu							
					3949	TK tiền gửi từ thu phạt và tạm giữ chờ xử lý							
X	4	Hải quan Sơn La	Hải quan Sơn La	12F1	7111	Thu ngân sách nhà nước	2995263	2724	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực IX	2711	14701001	Kho bạc Nhà nước khu vực X - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Sơn La
					3511	TK tiền gửi (phí Hải quan)							
		Đội Chiềng Khương - Hải quan Sơn La	Đội Chiềng Khương - Hải quan Sơn La	12B1	7111	Thu ngân sách nhà nước	2995264	2714	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực IX	2714	14701010	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực X	KBNN Sông Mã
X	5	Hải quan cửa khẩu quốc tế Lóng Sập	Hải quan CK quốc tế Lóng Sập	12BE	7111	Thu ngân sách nhà nước	2995266	2715	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực IX	2715	14701005	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực X	KBNN Mộc Châu
					3511	TK tiền gửi (phí Hải quan)							
X	6	Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phúc tập và KTSTQ	Q27H	7111	TK thu nộp NSNN	2995129	1361	Kho bạc Nhà nước khu vực X	1361	38701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XI - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Thanh Hóa
					3942	TK tiền gửi từ thu phạt và tạm giữ chờ xử lý							
X	7	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	P27A	7111	TK thu nộp NSNN	2995196	1361	Kho bạc Nhà nước khu vực X	1361	38701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XI - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Thanh Hóa
					3949	TK tiền gửi tạm giữ chờ xử lý							
		Chi cục Hải quan khu vực X	Chi cục Hải quan khu vực X										

Chi cục Hải quan khu vực XI

XI	1	Hải quan cửa khẩu Thanh Thủy		29BH	7111	TK thu nộp ngân sách Nhà nước	2995442	1417	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực X	1417	40701005	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	KBNN Nam Đàn
					3942	TK tiền gửi thuế tạm thu							
					3582	Tk chờ xử lý các khoản thu							
					3942	Tk phí, lệ phí							
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
XI	2	Hải quan Vinh	Hải quan Vinh	29PF	7111	TK thu nộp ngân sách Nhà nước	2995279	1434	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực X	1434	40701025	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	KBNN Nghệ An
					3511	TK tiền gửi thu phí HQ							
					3591	TK tiền gửi thuế tạm thu							
					3582	Tk chờ xử lý các khoản thu							
					3942	Tk phí, lệ phí							
XI	3	Hải quan cửa khẩu cảng Cửa Lò	Hải quan CK cảng Cửa Lò	29CC	7111	TK thu nộp ngân sách Nhà nước	2995280	1435	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực X	1434	40701025	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	KBNN Nghệ An
					3511	TK tiền gửi thu phí HQ							
					3591	TK tiền gửi thuế tạm thu							
					3942	Tk phí, lệ phí							
					3582	Tk chờ xử lý các khoản thu							
XI	4	Hải quan cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn	Hải quan CK quốc tế Nậm Cắn	29BB	7111	TK thu nộp ngân sách Nhà nước	2995040	1427	Phòng Giao dịch số 26 - Kho bạc Nhà nước khu vực X	1427	40701011	Phòng Giao dịch số 26 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	KBNN Kỳ Sơn
					3582	Tk chờ xử lý các khoản thu							
					3591	TK tiền gửi tại KBNN (tiền xử phạt VPHC)							
					3512	TK tạm thu							
					3942	Tk phí, lệ phí							
					3511	Tk phí, lệ phí chờ nộp Ngân sách							
XI	5	Hải quan cửa khẩu quốc tế Cầu Treo	Hải quan CK quốc tế Cầu Treo	30BB	7111	TK Thu nộp NSNN	2995132	1462	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1462	42701002	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	KBNN Hương Sơn
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK tạm giữ của chi cục							
					8951	TK hoàn trả của Chi cục							
					3942	TK tạm thu của Chi cục							

XI	6	Hải quan cửa khẩu cảng Vũng Áng	Hải quan CK cảng Vũng Áng	30F1	7111	TK Thu nộp NSNN	2995133	1469	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1469	42701006	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	KBNN Kỳ Anh
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3512	TK tiền gửi của chi cục							
					3712	TK tạm giữ LPQC							
					8951	TK hoàn trả của Chi cục							
XI	7	Hải quan cửa khẩu cảng Xuân Hải	Hải quan CK cảng Xuân Hải	30CC	7111	TK Thu nộp NSNN	2995042	1470	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1470	42701003	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	KBNN Hồng Lĩnh
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3712	TK tạm giữ LPQC							
XI	8	Chi cục Hải quan khu vực XI	Chi cục Hải quan khu vực XI										
XI	9	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	P30A	7111	TK Thu nộp NSNN	2995282	1461	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1461	42701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XII - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Hà Tĩnh
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3941	TK trích nộp kinh phí CBL							
XI	10	Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phúc tập và KTSTQ	Q30H	7111	TK Thu nộp NSNN	2995284	1461	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	1461	42701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XII - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Hà Tĩnh
Chi cục Hải quan khu vực XII													
XII	1	Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế Đà Nẵng	Hải quan CK sân bay quốc tế Đà Nẵng	34AB	7111	TK thu, nộp NSNN	2995053	0166	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	0166	48701007	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	KBNN Liên Chiểu
					3942	TK thu, nộp thuế tạm thu							
					3591	TK tạm thu thuế và phí hải quan của DN nộp trước (trừ lùi)							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý							
					3511	TK tiền gửi phí và lệ phí hải quan							
					3582	TK tạm giữ khác (xử lý nộp nhầm)							

XII	2	Hải quan cửa khẩu cảng Đà Nẵng	Hải quan CK cảng Đà Nẵng	34CE	7111	TK thu, nộp NSNN	2995052	0168	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	0168	48701008	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	KBNN Cẩm Lệ
					3942	TK thu, nộp thuế tạm thu							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý							
					3511	TK tiền gửi phí và lệ phí hải quan							
					3582	TK tạm giữ khác (xử lý nộp nhậm)							
XII	3	Hải quan Khu công nghiệp Đà Nẵng	Hải quan KCN Đà Nẵng (Đội ĐT, GC)	34CC	7111	TK thu, nộp NSNN	2995051	0170	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	0161	48701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XIII - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Đà Nẵng
					3942	TK thu, nộp thuế tạm thu							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý							
					3511	TK tiền gửi phí và lệ phí hải quan							
					3591	TK tạm giữ khác (xử lý nộp nhậm)							
XII	4	Hải quan Khu công nghiệp Đà Nẵng	Hải quan KCN Đà Nẵng	34NG	7111	TK thu, nộp NSNN	2995055	0166	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	0166	48701007	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	KBNN Liên Chiểu
					3942	TK thu, nộp thuế tạm thu							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý							
					3511	TK tiền gửi phí và lệ phí hải quan							
					3591	TK tạm giữ khác (xử lý nộp nhậm)							
XII	5	Hải quan cửa khẩu quốc tế Nam Giang	Hải quan CK quốc tế Nam Giang	60BD	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995314	1971	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	0176	48701013	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	KBNN Nam Giang
					3511	Tk tiền gửi thu phí, lệ phí hải quan							
XII	6	Hải quan Khu công nghiệp Quảng Nam	Hải quan KCN Quảng Nam	60C1	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995313	1963	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	0179	48701019	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	KBNN Điện Bàn
				60C2	3511	Tk tiền gửi thu phí, lệ phí hải quan							
					7111	Thu nộp ngân sách nhà nước							
					3511	Tk tiền gửi thu phí, lệ phí hải quan							
XII	7	Hải quan cửa khẩu cảng Kỳ Hà	Hải quan CK cảng Kỳ Hà	60CB	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995320	1961	Kho bạc Nhà nước khu vực XII	0171	48701021	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	KBNN Quảng Nam
					3511	Tk tiền gửi thu phí, lệ phí hải quan							
XII	8	Hải quan cửa khẩu cảng Dung Quất	Hải quan CK cảng Dung Quất	35CB	7111	Thu NSNN	2995219	2126	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII	2126	51701017	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	KBNN Quảng Ngãi
					3942	Tiền gửi tạm giữ chờ xử lý							
					3512	Tạm thu các khoản thuế chờ nộp ngân sách							
					3511	Tạm thu phí, lệ phí chờ nộp ngân sách							

Chi cục Hải quan khu vực XIII

XIII	1	Hải quan cửa khẩu cảng Nha Trang	Hải quan CK cảng Nha Trang	41CB	7111	TK Thu nộp NSNN	2995063	2061	Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	2061	56701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XIV - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Khánh Hòa
					3511	TK Thu phí, lệ phí HQ							
					3942	TK Tạm thu chờ xử lý							
XIII	2	Hải quan cửa khẩu cảng Cam Ranh	Hải quan CK cảng Cam Ranh	41CC	7111	TK Thu nộp NSNN	2995064	2063	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	2063	56701003	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIV	KBNN Cam Ranh
					3511	TK Thu phí, lệ phí HQ							
					3942	TK Tạm thu chờ xử lý							
					3512	TK Thu thuế tạm thu							
XIII	3	Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế Cam Ranh	Hải quan CK sân bay quốc tế Cam Ranh	41AB	7111	TK Thu nộp NSNN	2995506	2063	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	2063	56701003	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIV	KBNN Cam Ranh
					3511	TK Thu phí, lệ phí HQ							
					3942	TK Tạm thu chờ xử lý							
					3512	TK Thu thuế tạm thu							

XIII	4	Hải quan Vân Phong	Hải quan Vân Phong	41PE	7111	TK Thu nộp NSNN	2995138	2067	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	2067	56701008	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIV	KBNN Ninh Hòa
					3511	TK Thu phí, lệ phí HQ							
					3942	TK Tạm thu chờ xử lý							
					3512	TK Thu thuế tạm thu							
XIII	5	Hải quan Ninh Thuận	Hải quan Ninh Thuận	41BH	7111	TK Thu nộp NSNN	2995226	2219	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	2070	56701011	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIV	KBNN Ninh Thuận
					3511	TK Thu phí, lệ phí HQ							
					3942	TK Tạm thu chờ xử lý							
XIII	6	Hải quan cửa khẩu cảng Bình Thuận	Hải quan CK cảng Bình Thuận	47NM	7111	Tài khoản nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	2995141	1672	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	2880	68701025	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	KBNN Bình Thuận
					3512	Tài khoản nộp thuế hàng tạm nhập tái xuất							
					3591	Tài khoản nộp thuế tạm thu khác							
					3511	Tài khoản nộp phí, lệ phí hải quan							
XIII	7	Hải quan Đà Lạt	Hải quan Đà Lạt	40DI	7111	TK Thu nộp NSNN	2995066	2874	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	2861	68701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	KBNN Lâm Đồng
					3713	TK thu phí, lệ phí HQ và khác							
					3942	TK thu thuế tạm thu							
XIII	8	Hải quan cửa khẩu Buprăng	Hải quan cửa khẩu Buprăng	40BI	7111	TK Thu nộp NSNN	2995216	3064	Phòng Giao dịch số 27 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIV	2878	68701022	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	KBNN Đắk R'Lấp
					3511	TK thu phí, lệ phí							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý							
XIII	9	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	P41A	7111	TK Thu nộp NSNN	1058725	2061	Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	2061	56701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XIV - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Khánh Hòa
					3942	TK Thu các khoản tạm gửi chờ xử lý (Phạt VPHC)							
XIII	10	Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phúc tập và KTSTQ	Q41G	7111	TK Thu nộp NSNN	2995139	2067	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	2061	56701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XIV - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Khánh Hòa

XIV	1	Hải quan cửa khẩu quốc tế Lê Thanh	Hải quan CK quốc tế Lê Thanh	38B1	7111	TK Thu nộp NSNN	2995160	2911	Kho bạc Nhà nước khu vực XIV	2024	52701016	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	KBNN Gia Lai				
					3511	TK Thu phí, lệ phí HQ											
					3512	TK thu thuế tạm thu TNTX											
					3712	TK thu phí, lệ phí HQ											
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)											
				38B2	7111	TK Thu nộp NSNN	2995161	2911	Kho bạc Nhà nước khu vực XIV	2024	52701016	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	KBNN Gia Lai				
					3512	TK thu thuế tạm thu TNTX											
				XIV	2	Hải quan Buôn Ma Thuột	Hải quan Buôn Ma Thuột	40BC	7111	TK Thu nộp NSNN	2995067	2977	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIV	2977	66701017	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIV	KBNN Đắk Lắk
									3511	TK thu phí, lệ phí HQ và các khoản thu khác							
									3591	TK tạm thu chờ nộp NSNN							
XIV	3	Chi cục Hải quan khu vực XIV	Chi cục Hải quan khu vực XIV	40													
XIV	4	Hải quan cửa khẩu cảng Quy Nhơn	Hải quan CK cảng Quy Nhơn	37CB	7111	TK Thu nộp NSNN	2995058	2023	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	2011	52701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XV - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Bình Định				
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ	2995058										
					3512	TK thu thuế tạm thu	2995058										
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý	2995058										
XIV	5	Hải quan Phú Yên	Hải quan Phú Yên	37TC	7111	TK Thu nộp NSNN	2995059	2171	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII	2978	66701018	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIV	KBNN Phú Yên				
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ	2995059										
					8951	TK hoàn thuế	2995059										
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý	1100436										

XVI	1	Hải quan cửa khẩu Tà Lùng	Hải quan cửa khẩu Tà Lùng	11B1	3511	TK thu phí, lệ phí HQ	2995003	2367	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2367	04701002	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực VII	KBNN Quảng Hoà
					7111	TK Thu nộp NSNN							
XVI	2	Hải quan cửa khẩu quốc tế Trà Lĩnh	Hải quan CK quốc tế Trà Lĩnh	11BE	7111	TK Thu nộp NSNN	2995205	2370	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2370	04701008	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực VII	KBNN Trưng Khánh
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3512	TK thu thuế tạm thu hàng TNTX							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý							

XVI	3	Hải quan cửa khẩu Sóc Giang	Hải quan cửa khẩu Sóc Giang	11BF	7111	TK Thu nộp NSNN	2995116	2364	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2364	04701005	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực VII	KBNN Hà Quảng
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý							
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
XVI	4	Hải quan cửa khẩu Pò Peo	Hải quan cửa khẩu Pò Peo	11BH	7111	TK Thu nộp NSNN	2995006	2370	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2370	04701008	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực VII	KBNN Trùng Khánh
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
XVI	5	Hải quan cửa khẩu Lý Vạn	Hải quan cửa khẩu Lý Vạn	11G1	7111	TK Thu nộp NSNN	2995005	2367	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI	2367	04701002	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực VII	KBNN Quảng Hoà
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
		Đội nghiệp vụ	Đội nghiệp vụ	11G2	7111	TK Thu nộp NSNN	2995227						
XVI	6	Hải quan cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy	Hải quan CK quốc tế Thanh Thủy	10BB	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995101	2523	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực VII	2470	08701011	Phòng Giao dịch số 20 - Kho bạc Nhà nước khu vực VIII	KBNN Hà Giang
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
XVI	7	Hải quan cửa khẩu Xin Mần	Hải quan cửa khẩu Xin Mần	10BC	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995103	2523	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực VII	2470	08701011	Phòng Giao dịch số 20 - Kho bạc Nhà nước khu vực VIII	KBNN Hà Giang
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3942	Phải trả về tiền tài sản tạm giữ							
					3582	Chờ xử lý các khoản thu của CQ Hải quan							
					3512	TK thu thuế tạm thu							
XVI	8	Hải quan cửa khẩu Sầm Pun	Hải quan cửa khẩu Sầm Pun	10BF	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995324	2523	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực VII	2470	08701011	Phòng Giao dịch số 20 - Kho bạc Nhà nước khu vực VIII	KBNN Hà Giang
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3942	Phải trả về tiền tài sản tạm giữ							
					3582	Chờ xử lý các khoản thu của CQ Hải quan							
					3512	TK thu thuế tạm thu							
XVI	9	Hải quan Tuyên Quang	Hải quan Tuyên Quang	10BI	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995444	2469	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực VII	2461	08701001	Kho bạc Nhà nước khu vực VIII - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Tuyên Quang
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3942	Phải trả về tiền tài sản tạm giữ							
					3582	Chờ xử lý các khoản thu của CQ Hải quan							
					3512	TK thu thuế tạm thu							

Chi cục Hải quan khu vực XVII

XVII	1	Hải quan Đức Hòa	Hải quan Đức Hòa	48BI	7111	TK Thu nộp NSNN	2995301	0516	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	0516	80701012	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Đức Hòa
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3512	TK tiền gửi thuế tạm thu khác							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							
XVII	2	Hải quan cửa khẩu cảng quốc tế Long An	Hải quan CK cảng quốc tế Long An	48CF	7111	TK Thu nộp NSNN	2995085	0514	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	0514	80701004	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Bến Lức
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3512	TK tiền gửi thuế tạm thu khác							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							
XVII	3	Hải quan cửa khẩu Mỹ Quý Tây	Hải quan cửa khẩu Mỹ Quý Tây	48BC	7111	TK Thu nộp NSNN	2995089	0516	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	0516	80701012	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Đức Hòa
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3512	TK tiền gửi thuế tạm thu khác							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							
XVII	4	Hải quan cửa khẩu quốc tế Bình Hiệp	Hải quan CK quốc tế Bình Hiệp	48BD	7111	TK Thu nộp NSNN	2995087	0526	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	0526	80701016	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Kiến Tường
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3512	TK tiền gửi thuế tạm thu khác							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							
XVII	5	Hải quan cửa khẩu quốc tế Mộc Bài	Hải quan CK quốc tế Mộc Bài	45B1 45B2	7111	TK Thu nộp NSNN	2995114	1917	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0528	80701020	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Gò Dầu
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK Thu thuế tạm thu tạm nhập-tái xuất							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							
XVII	6	Hải quan cửa khẩu quốc tế Xa Mát	Hải quan CK quốc tế Xa Mát	45C1 45C2	7111	TK Thu nộp NSNN	2995113	1914	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0529	80701017	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Châu Thành
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK Thu thuế tạm thu tạm nhập-tái xuất							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							

XVII	7	Hải quan cửa khẩu Phước Tân	Hải quan cửa khẩu Phước Tân	45BD	7111	TK Thu nộp NSNN	2995215	1914	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0529	80701017	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Châu Thành
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK Thu thuế tạm thu tạm nhập-tái xuất							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							
XVII	8	Hải quan cửa khẩu Kà Tum	Hải quan cửa khẩu Kà Tum	45BE	7111	TK Thu nộp NSNN	2995115	1915	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0530	80701018	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Dương Minh Châu
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK Thu thuế tạm thu tạm nhập-tái xuất							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							
XVII	9	Hải quan Khu công nghiệp Trảng Bàng	Hải quan KCN Trảng Bàng	45F1 45F2	7111	TK Thu nộp NSNN	2995214	1917	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	0528	80701020	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Gò Dầu
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3591	TK Thu thuế tạm thu tạm nhập-tái xuất							
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							
XVII	10	Đội kiểm soát HQ Long An	Đội kiểm soát HQ Long An	48VF	7111	TK Thu nộp NSNN	2295152	0511	Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	0511	80701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Long An
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (phạt VPHC)							

Chi cục Hải quan khu vực XVIII

XVIII	1	Hải quan Biên Hòa	Hải quan Biên Hòa	47NB	7111	Tài khoản nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	2995069	1773	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	1761	75701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	KBNN Đồng Nai
					3512	Tài khoản nộp thuế hàng tạm nhập tái xuất							
					3591	Tài khoản nộp thuế tạm thu khác							
					3511	Tài khoản nộp phí, lệ phí hải quan							
XVIII	2	Hải quan Thống Nhất	Hải quan Thống Nhất	47NF	7111	Tài khoản nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	2995070	1771	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	1771	75701005	Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	KBNN Thống Nhất
					3512	Tài khoản nộp thuế hàng tạm nhập tái xuất							
					3591	Tài khoản nộp thuế tạm thu khác							
					3511	Tài khoản nộp phí, lệ phí hải quan							



					3942	TK tạm giữ XPVPHC							
XVIII	10	Hải quan Chợ Thành	Hải quan Chợ Thành	61PA	7111	TK Thu nộp NSNN	2995317	1869	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVI	1777	75701020	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	KBNN Hớn Quản
					3582	TK chờ xử lý							
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3512	TK thuế tạm thu, tạm giữ							
					3942	TK							
		Đội nghiệp vụ 2 - Hải quan cửa khẩu cảng Đồng Nai	Đội nghiệp vụ 2 - Hải quan CK cảng Đồng Nai		7111	Tài khoản nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	2995299	1767	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	1767	75701008	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	KBNN Long Thành
		Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Phòng Nghiệp vụ Hải quan		7111	Tài khoản nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	2995297						
XVIII	11	Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phúc tập và KTSTQ	Q47N	7111	Tài khoản nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	2995142	1773	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	1761	75701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	KBNN Đồng Nai
XVIII	12			47	7111	Tài khoản nộp thuế, tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	1058731	1773	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực XV	1761	75701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	KBNN Đồng Nai
					3712	Phí chuyển nộp ngân sách (chuyển nộp về đơn vị dự toán)							

Chi cục Hải quan khu vực XIX

XIX	1	Hải quan Tây Đô	Hải quan Tây Đô	54PH	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995002	0861	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0861	92701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Cần Thơ
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3512	TK thu thuế tạm thu							
XIX	2	Hải quan Hậu Giang	Hải quan Hậu Giang	54CE	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995525	3114	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0874	92701015	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	KBNN Châu Thành A
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
XIX	3	Hải quan cửa khẩu cảng Cần Thơ	Hải quan cửa khẩu cảng Cần Thơ	54CB	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995001	0861	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0861	92701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Cần Thơ
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3512	TK thu thuế tạm thu							
XIX	4	Hải quan cửa khẩu cảng Trà Vinh	Hải quan CK cảng Trà Vinh	54CF	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995531	1011	Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	0721	86701013	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	KBNN Trà Vinh
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3512	TK thu thuế tạm thu							
XIX	5	Hải quan cửa khẩu Vĩnh Long	Hải quan cửa khẩu Vĩnh Long	54CD	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995016	0720	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	0720	86701011	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	KBNN Vĩnh Long
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3512	TK thu thuế tạm thu							

XIX	6	Hải quan Sóc Trăng	Hải quan Sóc Trăng	54PK	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995428	1073	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	0875	92701016	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	KBNN Sóc Trăng
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
XIX	7	Hải quan Bạc Liêu	Hải quan Bạc Liêu	59BE	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995528	0919	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	0972	96701016	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	KBNN Bạc Liêu
					3591	Tài khoản tiền gửi lệ phí Hải quan							
					3942	Tài khoản tiền gửi thuế tạm thu chờ xử lý của cơ quan Hải quan							
XIX	8	Hải quan Cà Mau	Hải quan Cà Mau	59BD	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995000	0971	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	0971	96701012	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	KBNN Cà Mau
					3712	Tiền gửi phí hải quan của đơn vị dự toán							
					3942	Tài khoản tiền gửi thuế tạm thu chờ xử lý của cơ quan Hải quan							
					3591	Tài khoản tiền gửi lệ phí Hải quan							
XIX	9	Hải quan Bến Tre	Hải quan Bến Tre	48BG	7111	TK Thu nộp NSNN	2995527	0623	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	0727	86701018	Phòng Giao dịch số 23 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	KBNN Bến Tre
					3511	TK Thu phí, lệ phí HQ							
	10	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	Phòng Nghiệp vụ Hải quan	54KK	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	1058922	0861	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0861	92701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX - Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Cần Thơ
	11	Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan	Đội Phúc tập và KTSTQ	Q54J	7111	Thu nộp ngân sách nhà nước	2995309	0861	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0861	92701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX - Phòng Kế toán Nhà nước	
					3591	Tài khoản tiền gửi lệ phí Hải quan							
					7111	Thu nộp ngân sách nhà nước							

Chi cục Hải quan khu vực XX

XX	1	Hải quan cửa khẩu Cảng Mỹ Thới	Hải quan CK Cảng Mỹ Thới	50CE	8951	TK Hoàn thuế	2995041	0773	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0827	91701022	Phòng Giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	KBNN An Giang
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					7111	TK Thu nộp NSNN							
XX	2	Hải quan cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên	Hải quan CK quốc tế Tịnh Biên	50BB	7111	TK Thu nộp NSNN	2995036	0762	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0828	91701018	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	KBNN Tri Tôn
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					3582	TK tạm giữ							
XX	3	Hải quan cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương	Hải quan CK quốc tế Vĩnh Xương	50BD	3511	TK thu phí, lệ phí HQ	2995037	0764	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0830	91701019	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	KBNN Châu Phú
					7111	TK Thu nộp NSNN							

XX	4	Hải quan cửa khẩu Khánh Bình	Hải quan cửa khẩu Khánh Bình	50BK	3511	TK thu phí, lệ phí HQ	2995155	0767	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0829	91701017	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	KBNN Châu Đốc
					3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác							
					7111	TK Thu nộp NSNN							
XX	5	Hải quan cửa khẩu Vĩnh Hội Đông	Hải quan cửa khẩu Vĩnh Hội Đông	50BC	3591	TK tiền gửi thuế tạm thu khác	2995032	0767	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0829	91701017	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	KBNN Châu Đốc
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
					7111	TK Thu nộp NSNN							
XX	6	Hải quan cửa khẩu quốc tế Đinh Bà	Hải quan CK quốc tế Đinh Bà	49BG	7111	Thu nộp NSNN	2995212	0673	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0575	82701019	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN thành phố Hồng Ngự
					3511	Tạm thu phí, lệ phí							
					3512	TK tiền gửi thuế tạm thu							
					3751	Tiền gửi khác							
XX	7	Hải quan cửa khẩu quốc tế Thường Phước	Hải quan CK quốc tế Thường Phước	49BB	7111	Thu nộp NSNN	2995090	0673	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0575	82701019	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN thành phố Hồng Ngự
					3511	Tạm thu phí, lệ phí							
					3512	Tạm thu các khoản thuế TNTX							
					3591	TK tiền gửi tạm thu khác							
					3713	Tiền gửi khác đơn vị dự toán							
					3751	Tiền gửi khác							
					3942	Tiền gửi phải trả tiền, tài sản chờ xử lý							
XX	8	Hải quan cửa khẩu Cảng Đồng Tháp	Hải quan CK cảng Đồng Tháp	49C1	7111	Thu nộp NSNN	2995210	0674	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0574	82701016	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Đồng Tháp
					3511	Tạm thu phí, lệ phí							
					3512	TK tiền gửi thuế tạm thu							
				49C2	7111	Thu nộp NSNN	2995211	0662	Phòng Giao dịch số 19 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0579	82701020	Phòng Giao dịch số 20 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN Sa Đéc
					3511	Tài khoản phí, lệ phí							
					3512	TK tiền gửi thuế tạm thu							
XX	9	Đội kiểm soát Hải quan Đồng Tháp	Đội kiểm soát Hải quan Đồng Tháp	V49H	7111	Thu nộp NSNN	2995225	0673	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX	0575	82701019	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII	KBNN thành phố Hồng Ngự
XX	10	Hải quan cửa khẩu quốc tế Phú Quốc	Hải quan CK QT Phú Quốc	53CH	7111	TK Thu nộp NSNN	2995111	0821	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	0821	91701007	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	KBNN Phú Quốc
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (Thuế tạm thu)							

					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
XX	11	Hải quan Rạch Giá	Hải quan Rạch Giá	53BE	7111	TK Thu nộp NSNN	2995526	0811	Kho bạc Nhà nước khu vực XX	0811	91701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XX Phòng Kế toán Nhà nước	KBNN Kiên Giang
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
XX	12	Hải quan cửa khẩu quốc tế Hà Tiên	Hải quan CK quốc tế Hà Tiên	53BC	7111	TK Thu nộp NSNN	2995109	0823	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	0823	91701013	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	KBNN Hà Tiên
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (Thuế tạm thu)							
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ							
XX	13	Hải quan cửa khẩu cảng Mỹ Tho	Hải quan CK cảng Mỹ Tho	48CG	7111	TK Thu nộp NSNN	2995086	0573	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVII	0561	82701001	Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII - Phòng Nghiệp vụ 2	KBNN Tiền Giang
					3511	TK thu phí, lệ phí HQ	9045190						
					3713	TK thu phí, lệ phí HQ							
XX	14	Đội Kiểm soát Hải quan Kiên Giang	Đội Kiểm soát Hải quan Kiên Giang	V53G	7111	TK Thu nộp NSNN	2995306	0823	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	0823	91701013	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX	Không thấy có trong file MQHNS
					3942	TK tạm giữ chờ xử lý (Bán hàng tịch thu)							